**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**TUẦN 34 - TIẾT 67**

**KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Bước 1: Xác định mục đích, yêu cầu đề kiểm tra.**

- Đánh giá năng lực nhận thức, ý thức học tập của HS giúp GV phân loại HS.

- Phát huy tính tự giác, tích cực của HS

**Bước 2: Xác định mục tiêu dạy học và hình thức đề kiểm tra.**

*\* Mục tiêu*

*1. Kiến thức:*  Kiểm tra kiến thức của các chương:

Phần DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ

+ Chương VI- Ứng dụng di truyền học

Phần SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

+ Chương I- Sinh vật và môi trường

+ Chương II- Hệ sinh thái

+ Chương III- Con người, dân số và môi trường

+ Chương IV- Bảo vệ môi trường

***2. Định hướng phát triển phẩm chất, năng lực***

a, Phẩm chất: Nghiêm túc, cẩn thận,

b, Năng lực chung:

- Tự học, sử dụng ngôn ngữ

c, năng lực chuyên biệt.

- Tri thức sinh học

*\* Hình thức đề kiểm tra*:

- Trắc nghiệm khách quan (60%) kết hợp với tự luận (40%)

**Bước 3: Thiết lập ma trận đề kiểm tra.**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**(**Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp TL và TNKQ**)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương - Mạch kiến thức, kĩ năng** | **Mức nhận thức** | | | | | | | | **Cộng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Chương I- ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC** | Phương pháp, biểu hiện của ưu thế lai. | | ứng dụng củ giao phối cận huyết | |  | |  | | *Số câu 3*  *Số điểm 1.2*  *Tỉ lệ 12%* |
| *Số câu 3*  *Số điểm1,2*  *Tỉ lệ 12%* | *2 Câu*  *Số điểm:0,8* |  | *1 Câu*  *Số điểm:0,4* |  |  |  |  |  |
| **Chương II- SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | Ý nghĩa của giới hạn sinh thái | | ảnh hưởng của ánh sáng lên tv, ảnh hưởng của các nhân tố ST lên đời sống động vật | |  | |  | | *Số câu 3*  *Số điểm*  *1,8*  *Tỉ lệ18 %* |
| *Số câu 3*  *Số điểm1,8*  *Tỉ lệ 18%* | *1 Câu*  *Số điểm*  *0,4* |  | *Câu số 1*  *Số điểm: 0,4* | *Câu số 1*  *Số điểm: 1đ* |  |  |  |  |
| **Chương III- HỆ SINH THÁI** | Nhận biết quan hệ cùng loài, quần xã | | Hiện tượng khống chế sinh học | | Xây dựng lưới thức ăn | |  | | *Số câu 4*  *Số điểm 3,2đ*  *Tỉ lệ 32 %* |
| *Số câu4*  *Số điểm3,2*  *Tỉ lệ 32%* | *2 Câu*  *Số điểm:*  *0.8đ* |  | *1 Câu*  *Số điểm:*  *0,4đ* |  |  | *1câu*  *Số điểm : 2.0* |  |  |
| **Chương III,IV- CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG** | Nhận biết các dạng tài nguyên thiên nhiên các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên | | Bảo vệ môi trường biển, điểm mới trong luật BVMT | |  | |  | Các biện pháp bảo vệ môi trường | *Số câu 8*  *Số điểm 3,8*  *Tỉ lệ*  *38 %* |
| *Số câu 1*  *Số điểm 2.0*  *Tỉ lệ % 20 %* | *5câu*  *Số điểm*  *2* |  | *2câu*  *Số điểm*  *0,8* |  |  |  |  |  |
| Tổng số câu 18  Tổng số điểm 10.0  Tỉ lệ % 100% | Số câu 10  Số điểm: 4  *Tỉ lệ 4* % | | Số câu6  Số điểm 3  *Tỉ lệ 3* % | | Số câu 1  Số điểm 2  *Tỉ lệ 20 %* | | Số câu 1  Số điểm 1  *Tỉ lệ 10* % | | Tổng số câu 18  Tổng số điểm 10.0  Tỉ lệ % 100% |

**Bước 4: Ra đề theo ma trận**

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** *(6 điểm)*

**Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau**

**Câu 1:** Trong chăn nuôi, người ta sử dụng phương pháp chủ yếu nào để tạo ưu thế lai:

A. Giao phối gần B. Cho F1 lai với cây P

C Lai khác dòng D. Lai kinh tế

**Câu 2**. Biểu hiện của hiện tượng thoái hóa giống là:

A. Con lai có sức sống cao hơn bố mẹ B. Con lai sinh trưởng mạnh hơn bố mẹ

C. Năng suất thu hoạch luôn tăng lên D. Con lai có sức sống kém dần

**Câu 3.** Tự thụ phấn bắt buộc và giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hóa nhưng vẫn được sử dụng trong chọn giống vì :

A. Để củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn, tạo dòng thuần.

B. Tạo ra giống mới để góp phần phát triển chăn nuôi và trồng trọt.

C. Là một biện pháp quan trọng không thể thiếu trong chăn nuôi, trồng trọt.

D. Tạo ra nhiều biến dị và tổ hợp đột biến mới.

**Câu 4.** Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái: A. Gần điểm gây chết dưới. B. Gần điểm gây chết trên.

C. Ở điểm cực thuận D. Khoảng thuận lợi

**Câu 5.** Nếu ánh sáng tác động vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc: A. Ngọn rũ xuống. B. luôn quay về phía mặt trời.

C. mọc thẳng. D. Ngọn sẽ mọc cong về phía có nguồn sáng.

**Câu 6.** Trong một quần xã sinh vật, loài đặc trưng là:

A. Loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác

B. Loài có số lượng cá thể cái đông nhất

C. Loài đóng vai trò quan trọng ( số lượng lớn)

D. Loài có tỉ lệ đực/ cái ổn định nhất

**Câu 7.** Rừng mưa nhiệt đới là:

A. Một quần thể sinh vật B. Một quần xã sinh vật

C. Một quần xã động vật D. Một quần xã thực vật

**Câu 8.** Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng :

A. Khống chế sinh học B Cạnh tranh giữa các loài

C. Hỗ trợ giữa các loài D. Hội sinh giữa các loài

**Câu 9.** Săn bắt động vật hoang dã quá mức dẫn đến hậu quả :

A. Mất cân bằng sinh thái . B. Mất nhiều loài sinh vật .

C. Mất nơi ở của sinh vật . D. Mất cân bằng sinh thái và mất nhiều loài sinh vật .

**Câu10.** Tài nguyên nào sau đây thuộc tài nguyên tái sinh:

A. Khí đốt và tài nguyên sinh vật. B. Tài nguyên sinh vật và tài nguyên đất

C. Dầu mỏ và tài nguyên nước . D. Bức xạ mặt trời và tài nguyên sinh vật

**Câu 11.** Nguồn năng lượng vĩnh cửu là năng lượng:

A. khí đốt. B. từ dầu mỏ C. nhiệt từ mặt trời. D. từ than củi

**Câu 12.** Biện pháp hạn chế ô nhiễm do chất thải rắn :

A. Xây dựng nhà máy tái chế chất thải thành nguyên liệu , đồ dùng ..

B. Tạo bể lắng và lọc nước thải .

C. Trồng nhiều cây xanh .

D. Sản xuất lương thực và thực phẩm an toàn .

**Câu 13.** Hệ sinh thái dưới đây không phải là hệ sinh thái trên cạn?

A. Rừng lá rộng rụng lá theo mùa vùng ôn đới B. Rừng ngập mặn

C. Vùng thảo nguyên hoang mạc D. Rừng mưa nhiệt đới

**Câu 14.** Để vừa khai thác nguồn tài nguyên biển, vừa bảo vệ môi trường biển và phục hồi tài nguyên biển, cần phải:

A. Tăng cường đánh bắt ở ven bờ.

B. Đánh bắt hải sản bằng chất nổ.

C. Khai thác hợp lí kết hợp cải tạo, phục hồi và nuôi bổ sung .

D. Dùng hóa chất hoặc xung điện để đánh bắt hải sản.

**Câu 15.** Đối tượng được bổ sung áp dụng cho luật bảo vệ môi trường năm 2022

với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân

A. Cơ quan B. Cộng đồng dân cư. C. Hộ gia đình. D. Các tổ chức, cá nhân.

II.**TỰ LUẬN** (4 đ)

**Câu 16**. *(1điểm)* Qua các bài thực hành tìm hiểu môi trường, em hãy nhận xét tình hình môi trường nước ở địa phương và đưa ra một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nơi mình đang sinh sống?

**Câu 17**.*(2điểm)* Một quần xã ruộng lúa bao gồm một số loài sinh vật: Lúa, ốc bươu, chuột, rắn, chim sẻ, vi sinh vật phân giải. Em hãy xây dựng một lưới thức ăn trong quẫn xã trên?

**Câu 18.** *( 1 điểm)*Động vật sống ở sa mạc có đặc điểm gì để thích nghi với điều kiện khô, nóng ban ngày và lạnh về đêm?

**Bước 5: HƯỚNG DẪN CHẤM - BIỂU ĐIỂM**

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** *(6 điểm)* *Mỗi ý đúng 0.4 đ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | D | D | A | C | D | A | B | A | D | B | C | A | B | C | B |
| Điểm | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 |

**B. TỰ LUẬN** (4 đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| 16 | Môi trường địa phương đang bị ô nhiễm:  + Nguồn nước bị bẩn do rác thải, nước thải sinh hoạt  + Đất bị ô nhiễm do sử ụng quá nhiều thuốc BVTV trong trồng trọt  + Nước thải chăn nuôi gây ô nhiễm cả môi trường đất, nước, không khí  Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp hạn chế ô nhiễm:  + Xử lí nước thải sinh hoạt, chăn nuôi trước khi thải ra môi trường  + Phân loại, vứt rác đúng nơi quy định  + Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đân trong công tác bảo vệ môi trường sống chung. | 1 đ |
| 17 | Xây dựng lưới thức ăn hoàn chỉnh có đủ sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải | 2 đ |
| 18 | Để thích nghi với điều kiện khô, nóng ban ngày và lạnh về đêm động vật ở hoang mạc đới nóng có các đặc điểm:  - Da dày, phủ vảy sừng tránh sự thoát hơi nước, lông có màu giống cát để lẩn trốn kẻ thù.  - Chân dài, nhỏ giảm diện tích tiếp xúc với cát nóng.  - Một số có bướu mỡ dự trữ nước.  - Thường hoạt động về đêm.  - Di chuyển đặc biệt: quăng mình, nhảy,...  - Chui rúc trong cát tránh nóng | *0,5đ*  *0,5đ* |